

Số: /2024/QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày tháng năm 2024

**Dự thảo 2**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin,  
dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của  
Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài  
nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của  
Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt  
động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của  
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định kỹ thuật và Định  
mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp  
thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai  
thác sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sóc  
Trăng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024  
và thay thế Quyết định số 32/2019/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của  
Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác,  
chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh  
Sóc Trăng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- VP.Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT và các PCT tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- HTĐT: sotuphap@soctrang.gov.vn;
- Trang TTĐT VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

## QUY CHẾ

### Thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2024/QĐ-UBND  
ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

## Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, viễn thám, tài nguyên môi trường biển và hải đảo (sau đây gọi là thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường); cơ chế phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Quy chế này áp dụng đối với cơ quan quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

3. Quy chế này không điều chỉnh với thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc danh mục bí mật nhà nước.

### Điều 2. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải là các thông tin, dữ liệu được thu nhận và lưu trữ theo đúng quy định. Thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường được quy định chi tiết tại Điều 4 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ và Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### Điều 3. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ và phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

#### **Điều 4. Sự tham gia của các tổ chức, cá nhân**

1. Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư cho việc thu nhận, tạo lập và cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đúng quy định của pháp luật.

2. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân cung cấp, hiến tặng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho cơ quan nhà nước góp phần bảo vệ chủ quyền quốc gia, phục vụ lợi ích chung của xã hội.

#### **Điều 5. Kinh phí thu thập, quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

Kinh phí thu thập, quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường do ngân sách Nhà nước tỉnh cấp, được phân bổ từ nguồn kinh phí sự nghiệp giao cho ngành tài nguyên và môi trường hàng năm; Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành, Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ theo quy định.

### **Chương II**

## **THU THẬP THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

#### **Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng nguồn thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh; đồng thời, có trách nhiệm:

a) Hàng năm, chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh;

b) Chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường hoặc đơn vị chuyên môn khác trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện thu thập, đánh giá, quản lý, lưu trữ, công bố, khai thác và sử dụng thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường; tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu trên môi trường điện tử; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu, cổng thông tin tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các cơ sở dữ liệu trên địa bàn tỉnh, các tỉnh, thành phố và các Bộ, ngành theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

c) Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

d) Lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

đ) Định kỳ hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Bộ Tài nguyên và Môi trường.

e) Lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh và tổ chức công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường.

f) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

## 2. Sở Tài chính:

Xem xét, thẩm định kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh do Sở Tài nguyên và Môi trường lập, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch hàng năm.

## 3. Sở Thông tin và Truyền thông:

Phối hợp, hướng dẫn Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường, tích hợp, kết nối cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường vào kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

## 4. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh hàng năm;

b) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn cho Sở Tài nguyên và Môi trường (qua Trung tâm Công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường) hàng năm theo quy định.

## 5. Các Sở, ban ngành:

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường lập kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh trong lĩnh vực phụ trách và phân cấp.

## 6. Tổ chức, cá nhân:

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước) và các tổ chức, doanh nghiệp khác (thuộc diện phải nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định của Nhà nước) trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo Điều 10 Quy chế này.

## **Điều 7. Lập kế hoạch thu nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Các Sở, ban ngành trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao xác định thông tin, dữ liệu cần thu thập, cập nhật, đề xuất các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, lập kế hoạch.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp đề xuất của các Sở, ban ngành và các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật dữ liệu của mình dự thảo kế hoạch; chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Sau khi phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh gửi một bản kế hoạch đến Cục Chuyển đổi số và thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, quản lý.

4. Nguyên tắc, căn cứ, nội dung kế hoạch thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **Điều 8. Thực hiện kế hoạch thu nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch thu nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hàng năm.

2. Việc thu nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ đúng các quy định, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường. Nội dung thông tin, dữ liệu thu nhận phải phù hợp, chính xác, kịp thời, hiệu quả; ưu tiên mục tiêu sử dụng dài hạn; ưu tiên dữ liệu có thể dùng cho nhiều mục đích sử dụng khác nhau.

3. Trường hợp pháp luật quy định việc thu nhận thông tin, dữ liệu phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì Sở Tài nguyên và Môi trường phải làm thủ tục xin phép theo quy định và chỉ được tiến hành thu thập dữ liệu sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

4. Việc thu nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc danh mục tài liệu bí mật nhà nước phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về

bảo vệ bí mật nhà nước.

5. Thực hiện thu nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

a) Hình thức thu nhận thông tin, dữ liệu lưu trữ tài nguyên và môi trường gồm:

- Tiếp nhận thông tin, dữ liệu, tài liệu tài nguyên và môi trường nộp trực tiếp tại đơn vị có thẩm quyền tiếp nhận, lưu trữ hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc mạng điện tử;

- Thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

b) Thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

- Thu thập, cập nhật dữ liệu đặc tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tại các cơ quan, tổ chức đang lưu trữ, bảo quản;

- Nội dung dữ liệu đặc tả quy định chi tiết tại Mục 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### **Điều 9. Kiểm tra tài liệu thu nhận**

1. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu phải tuân theo các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm, kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu.

3. Kiểm tra tài liệu truyền thống gồm: số lượng tài liệu so với danh mục tài liệu lưu trữ giao nộp; tính pháp lý của tài liệu theo quy định; tình trạng vật lý của tài liệu.

4. Kiểm tra tài liệu số gồm: số lượng phương tiện lưu trữ với danh mục giao nộp; số lượng tài liệu so với danh mục tài liệu giao nộp; tính pháp lý của tài liệu theo quy định; chất lượng phương tiện lưu trữ; các lỗi vật lý, kiểm tra vi-rút máy tính, tính toàn vẹn tài liệu số trên phương tiện lưu trữ.

### **Điều 10. Giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

Giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để thu nhận, tạo lập hoặc tạo ra trong quá trình hoạt động mà theo quy định của pháp luật phải giao nộp các thông tin, dữ liệu, tài liệu tài nguyên và môi trường vào lưu trữ chuyên ngành.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện nhiệm vụ, dự án về tài nguyên và môi trường trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu, phê duyệt, công bố hoặc công nhận kết quả hoàn thành nhiệm vụ, dự án có trách nhiệm giao nộp một (01) bộ dạng điện tử và một (01) bộ gốc in trên giấy để lưu trữ tại cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu chuyên ngành.

3. Phiếu nhập kho sản phẩm thông tin, tài liệu tài nguyên và môi trường là tài liệu bắt buộc trong hồ sơ phê duyệt quyết toán, hoàn thành nhiệm vụ, dự án theo quy định. Lập Phiếu nhập kho theo Mẫu số C30-HD ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC, QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

### **Điều 11. Bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

Thực hiện theo quy định tại

Điều 11 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ: Công tác bảo quản, lưu trữ và tu bổ thực hiện theo đúng quy định tại Luật lưu trữ và các văn bản hướng dẫn nhằm tạo ra các điều kiện tốt nhất để bảo đảm an toàn và kéo dài tuổi thọ cho tài liệu, nhằm phục vụ được tốt các yêu cầu khai thác, sử dụng tài liệu, cụ thể như sau:

1. Thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu chuyên ngành tài nguyên và môi trường

Thời hạn lưu trữ và bảo quản hồ sơ, tài liệu chuyên ngành tài nguyên và môi trường theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Kho lưu trữ, thiết bị bảo quản tài liệu lưu trữ tài nguyên và môi trường thực hiện theo Điều 14 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Chính lý, xác định giá trị tài liệu lưu trữ thực hiện theo Điều 15 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Bảo quản tài liệu lưu trữ hiện theo Điều 16 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Thời hạn bảo quản kho và tài liệu lưu trữ thực hiện theo Điều 17 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.



6. Tu bổ, phục chế tài liệu lưu trữ thực hiện theo Điều 18 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

7. Tiêu hủy tài liệu hết giá trị thực hiện theo Điều 19 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **Điều 12. Quản lý tài liệu lưu trữ điện tử về tài nguyên và môi trường**

1. Tài liệu lưu trữ điện tử về tài nguyên và môi trường bao gồm:

a) Tài liệu lưu trữ điện tử hình thành trong quá trình hoạt động của cơ quan, tổ chức.

b) Tài liệu lưu trữ điện tử hình thành từ việc số hóa thông tin, tài liệu lưu trữ trên các vật mang tin khác.

2. Tài liệu lưu trữ điện tử về tài nguyên và môi trường phải đáp ứng các tiêu chuẩn dữ liệu thông tin đầu vào, bảo đảm tính kế thừa, tính thống nhất, độ xác thực, an toàn và khả năng truy cập; được bảo quản và sử dụng theo phương pháp chuyên môn, nghiệp vụ lưu trữ và kỹ thuật công nghệ thông tin trong Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử tài nguyên và môi trường.

3. Tiêu chuẩn dữ liệu thông tin đầu vào thực hiện theo Điều 21 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử tài nguyên và môi trường thực hiện theo Điều 22 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Tạo lập hồ sơ lưu trữ điện tử thực hiện theo Điều 23 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Xác định giá trị tài liệu lưu trữ điện tử thực hiện theo Điều 24 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

7. Bảo quản tài liệu lưu trữ điện tử thực hiện theo Điều 25 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

8. Bảo đảm an toàn và bảo mật tài liệu lưu trữ điện tử hiện theo Điều 26 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **Điều 13. Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh là tập hợp toàn bộ các thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá, và tổ chức quản lý, lưu trữ một cách có hệ thống được xây dựng, cập nhật và duy trì

phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và nâng cao dân trí do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh được xây dựng phù hợp với khung kiến trúc tổng thể công nghệ thông tin ngành tài nguyên và môi trường tỉnh và được tích hợp vào kho dữ liệu dùng chung của tỉnh nhằm phục vụ xây dựng chính quyền điện tử.

3. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường được xây dựng và kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử phục vụ quản lý, khai thác, cung cấp, sử dụng thông tin, dữ liệu thuận tiện, hiệu quả.

4. Cơ sở dữ liệu phải đáp ứng khung cơ sở dữ liệu, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin và chuyên ngành.

5. Việc xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành cụ thể thực hiện theo quy định của pháp luật đối với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

#### **Điều 14. Vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường**

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

1. Xây dựng các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát để vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí bảo đảm thường xuyên, liên tục, định kỳ cập nhật nội dung cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ bảo đảm cơ sở dữ liệu có hiệu suất vận hành và sẵn sàng đáp ứng cao.

4. Xây dựng và thực hiện các giải pháp về sao lưu, dự phòng bảo đảm tính nguyên vẹn, an toàn của cơ sở dữ liệu. Trong trường hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hư hỏng, bị phá hủy do các hành vi trái phép phải có cơ chế bảo đảm phục hồi được thông tin, dữ liệu.

#### **Điều 15. Bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin, có các biện pháp tổ chức, quản lý vận hành, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu, an toàn máy tính và an ninh mạng.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được phân loại theo cấp độ an toàn hệ thống thông tin, đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

3. Trung tâm công nghệ thông tin tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường làm nhiệm vụ bảo đảm an toàn cơ sở dữ liệu, thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, quản lý rủi ro và các biện pháp phù hợp để bảo đảm an toàn thông tin.

## **Chương IV**

### **KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

#### **Điều 16. Công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được công bố trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường nhằm phục vụ cho cộng đồng và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Việc công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

#### **Điều 17. Hình thức khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo các hình thức sau đây:

1. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu qua trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử hoặc kết nối, truy nhập, chia sẻ thông tin với cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của cơ quan quản lý, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

2. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu thông qua phiếu, yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ, Điều 11 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ.

3. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu bằng hình thức hợp đồng giữa đơn vị quản lý thông tin, dữ liệu và bên khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

#### **Điều 18. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

Tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

1. Tuân thủ các nguyên tắc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu quy định tại Điều 5 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

2. Không được chuyển thông tin, dữ liệu cho bên thứ ba sử dụng trừ trường hợp được thỏa thuận trong hợp đồng với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu.

3. Không được làm sai lệch thông tin, dữ liệu đã được cung cấp để sử dụng.

4. Trả kinh phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

5. Tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

6. Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu về những sai sót của thông tin, dữ liệu đã cung cấp.

7. Được khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu của mình.

8. Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi bên cung cấp thông tin, dữ liệu cung cấp thông tin, dữ liệu không chính xác gây thiệt hại cho mình.

## **Chương V**

### **KẾT NỐI, CHIA SẺ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ**

**Điều 19. Nguyên tắc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh khác**

Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh các tỉnh khác trên nguyên tắc:

1. Kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm việc tiếp cận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ kịp thời cho việc đánh giá, dự báo, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

3. Bảo đảm việc trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu được thông suốt, kịp thời, đáp ứng các yêu cầu về an toàn, an ninh thông tin.

**Điều 20. Kết nối, tích hợp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử**

1. Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường bao gồm thông tin, dữ liệu thời gian thực và thông tin, dữ liệu có độ trễ về thời gian (phải qua các bước phân tích, xử lý). Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường có ý nghĩa rất quan trọng đối với ứng phó, xử lý kịp thời trong công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai, thảm họa.

2. Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường, đặc biệt là thông tin dữ liệu thời gian thực từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc bắt buộc quan trắc quy định của pháp luật phải được thu nhận, tích hợp và chia sẻ, cung cấp kịp thời cho các cơ quan, tổ chức có chức năng, phục vụ dân sinh, phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng.

3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường thu thập, thu nhận, quản lý, cung cấp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh; cung cấp, tích hợp thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường về cơ sở dữ liệu quốc gia do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý; sử dụng thông tin, dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

## **Chương VI** **TRÁCH NHIỆM VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 21. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Thông báo với Bộ Tài nguyên và Môi trường và Sở Tài nguyên và Môi trường về danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do mình sở hữu và có nhu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ, Điều 11 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật về thu thập, tạo lập và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng.

3. Bảo đảm tính trung thực, chính xác của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

### **Điều 22. Chế độ báo cáo**

1. Trước ngày 30 tháng 11 hàng năm, tổ chức, cá nhân báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Cục Chuyển đổi số) và Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Mẫu báo cáo công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được quy định chi tiết theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ và được sửa đổi tại Điều 11 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ.

**Điều 23. Bảo vệ quyền sở hữu thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường**

1. Quyền sở hữu trí tuệ đối với thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Được thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

2. Bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ.

**Điều 24. Tổ chức thực hiện**

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Giám đốc các Sở, ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**